

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2020/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 8 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con,

Chia tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Hồng Thái.

Ông Kim Trung Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 08 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều D.

Địa chỉ: ấp 6, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: khu vực 2, phường I, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trương Phú D.

Địa chỉ: khu vực 2, phường I, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/5/2020 và quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều D trình bày: Chị và anh Trương Phú D chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường I, thành phố Vị Thanh. Quá trình

chung sống thời gian đầu hạnh phúc, khoảng đầu năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: do chị phát hiện anh D có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài (không có chứng cứ cụ thể). Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị đã bỏ đi thuê nhà khác sống ly thân được hơn 01 tháng. Nay xét thấy không còn tình cảm với anh D, nên chị yêu cầu được ly hôn.

- Con chung: vợ chồng có chung với nhau 01 đứa con tên Trương Chi Ngọc Ph (giới tính: nữ), sinh ngày 11/4/2017. Hiện đang sống chung với mẹ. Sau ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng. Chị yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: vợ chồng có chung chiếc xe mô tô biển số 95B1-333.40. Vợ chồng bỏ tiền ra mua năm 2016, do anh D đứng tên đăng ký. Hiện tại anh D đang giữ giấy chứng nhận đăng ký và quản lý xe. Chị yêu cầu được sở hữu toàn bộ hoặc anh D giao cho chị 35.000.000 đồng anh D lấy xe.

Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thu thập chứng cứ bị đơn anh Trương Phú D trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Kiều D chung sống từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường I, thành phố Vị Thanh. Quá trình chung sống hạnh phúc, chứ không có mâu thuẫn gì lớn. Thời gian gần đây cũng có mâu thuẫn, nên vợ bỏ nhà đi sống ly thân khoảng 01 tháng nay. Nguyên nhân: do thời gian gần đây anh có bỏ tiền ra hút thuốc làm ảnh hưởng đến bạn bè, nên có thường xuyên vắng nhà làm cho vợ ghen tuông. Nay chị D yêu cầu xin ly hôn, anh không đồng ý.

Con chung: vợ chồng có một đứa con chung đúng như vợ anh khai trên. Nếu phải ly hôn anh yêu cầu được nuôi con. Không yêu cầu chị D cấp dưỡng.

Tài sản chung: vợ chồng có chung với nhau chiếc xe mô tô như vợ anh khai trên. Nếu phải ly hôn anh đồng ý giao cho vợ 35.000.000 đồng, anh sở hữu toàn bộ xe.

Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều D phát biểu thay đổi một phần yêu cầu, cụ thể: chị yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (trước đây yêu cầu 1.000.000 đồng). Bị đơn anh Trương Phú D trình bày giữ như lời khai và yêu cầu trước đây.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến phát biểu của bị đơn, Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải

quyết trong vụ án là tranh chấp về ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn trong vụ án là anh Trương Phú D có nơi cư trú tại khu vực 2, phường I, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều D và anh Trương Phú D chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường I, thành phố Vị Thanh. Theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân của anh chị được công nhận hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, chị D khởi kiện đến Tòa xin ly hôn, anh D không đồng ý. Tòa xét thấy: Hôn nhân của anh chị dù được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nhưng quá trình chung sống không hạnh phúc. Khi có mâu thuẫn anh chị không tự giải quyết được, dẫn đến ly thân nhau. Thời gian ly thân anh chị cũng không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Tại phiên tòa chị D yêu cầu xin ly hôn, anh D không đồng ý, nhưng thời gian ly thân cũng như quá trình Tòa án thu thập chứng cứ mặc dù đã được Tòa án tạo điều kiện về thời gian, nhưng anh D không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Điều đó chứng tỏ tình cảm của anh chị đối với nhau cũng không còn. Do đó cuộc sống chung của anh chị nếu để tiếp tục kéo dài sẽ không đảm bảo hạnh phúc. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều D, cho chị được ly hôn với anh Trương Phú D.

[4]. Về con chung: Chị D, anh D khai vợ chồng có 01 con chung tên Trương Chi Ngọc Ph (giới tính: nữ), sinh ngày 11/4/2017. Hai bên tranh chấp, ai cũng yêu cầu được nuôi dưỡng. Tòa xét thấy: khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “ *Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con ... trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con* ”. Xét, cháu Phụng hiện đã hơn 03 tuổi, từ lúc vợ chồng ly thân nhau cho đến nay sống chung với mẹ đã ổn định. Cháu Ph là con gái, mặc dù đã hơn ba tuổi, nhưng cũng còn rất nhỏ, nên rất cần sự chăm sóc của mẹ. Căn cứ các yếu tố này và xem xét toàn diện các điều kiện khác, Tòa giao cháu Ph cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng.

[5]. Về cấp dưỡng: khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “ *Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con* ”. Tại phiên tòa chị D, anh D thống nhất mức cấp dưỡng anh D phải cấp là 3.000.000 đồng/tháng. Xét thỏa thuận này của hai bên là tự nguyện và phù hợp pháp luật, nên Tòa chấp nhận buộc anh D cấp dưỡng số tiền 3.000.000 đồng mỗi tháng theo thỏa thuận.

[6]. Tài sản chung, nợ chung: Chị D, anh D khai thống nhất với nhau có chiếc xe mô tô biển số 95B1-333.40 thống nhất thỏa thuận giá trị hiện tại là 70.000.000 đồng. Anh D nhận xe và có trách nhiệm hoàn trả ½ giá trị số tiền 35.000.000 đồng cho chị

D. Xét thỏa thuận này có hai bên là tự nguyện và phù hợp pháp luật, nên Tòa chấp nhận. Giao xe cho anh D sở hữu, buộc hoàn trả giá trị số tiền 35.000.000 đồng cho chị D.

[7]. Về án phí. căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc nguyên đơn có trách nhiệm chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo mức không có giá ngạch và buộc hai bên chịu án phí dân sự có giá ngạch về tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều D.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều D được ly hôn với anh Trương Phú D.

- Về con chung: giao cháu Trương Chi Ngọc Ph (giới tính: nữ), sinh ngày 11/4/2017 cho chị Nguyễn Thị Kiều D được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trương Phú D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng). Cấp liên tục hàng tháng cho đến khi cháu Ph tròn 18 tuổi. Thời hạn cấp tính từ ngày 18/8/2020. Anh Trương Phú D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung được phân chia như sau:

+ Anh Trương Phú D được quyền sở hữu xe mô tô biển số 95B1-333.40. Số máy KF14E0121698; số khung 1435FY021843; nhãn hiệu HONDA loại SH 150I. bằng hiện vật. (Hiện do anh D đang quản lý xe và giấy chứng nhận đăng ký).

+ Buộc anh Trương Phú D có trách nhiệm hoàn trả một phần hai giá trị xe trị giá bằng số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) cho chị Nguyễn Thị Kiều D.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nợ chung: không có yêu cầu giải quyết, nên Tòa chưa xem xét.

- Về án phí:

+ Buộc chị Nguyễn Thị Kiều D chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Diễm đã nộp theo biên lai thu số 0003124 ngày 01/6/2020 tại Chi cục Thi

hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí và chịu 1.750.000đ (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản chung sơ thẩm.

+ Buộc anh Trương Phú D chịu 1.750.000đ (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản chung sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Hồng Thái; Kim Trung Dũng

Võ Thái Sơn